

Bản án số: 08/2023/HS-ST
Ngày 28/12/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lã Đức Hạnh và ông Trần Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại các điểm cầu:

- Điểm cầu trung tâm Hội Tr xét xử Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy gồm: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Kiểm sát viên, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

- Điểm cầu thành phần, nhà tạm giữ Công an huyện Kon Rẫy gồm: Bị cáo.

Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tm đưa ra xét xử sơ thẩm công khai trực Tyển vụ án hình sự thụ lý số: 11/2023/TLST- HS, ngày 29 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo: **Nguyễn Văn D**, (tên gọi khác: *D Năm Mây*), sinh ngày 20/10/1976 tại Bình Định; giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn 5, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tm.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Kế M, sinh năm 1949 và bà Trần Thị Ch, sinh năm 1953.

Gia đình bị cáo có 06 chị em, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1986. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình; bị cáo có vợ là Đỗ Thị Vân Anh, sinh năm 1977 và có 01 người con sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trần Ngọc Tr, sinh năm 1989 và chị, sinh năm 1988; Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 1, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Hoàng Anh T, sinh năm 1986; Vắng mặt

Địa chỉ: Số 222 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

2. Chị Đỗ Thị Vân A, sinh năm 1977; Có mặt

Địa chỉ: Thôn 5, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tm.

- Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng

1. Anh Hoàng Anh T, sinh năm 1996; Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 7, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tm.

2. Anh Vũ Nhật L, sinh năm 1990; Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 1, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tm.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 15/7/2023, bị cáo Nguyễn Văn D gọi điện thoại cho anh Trần Ngọc Tr để thuê xe ô tô biển kiểm soát (BKS) 82A-028.71, nhãn hiệu Ford, loại Everest của gia đình anh Tr để tự lái, với giá thuê xe 700.000 đồng/ngày thì được anh Tr đồng ý. Trưa cùng ngày, D đến nhà anh Tr gặp vợ của anh Tr là chị Nguyễn Thị H D, D nói với chị Diễm “*anh thuê xe*”. Vì anh Tr đã nói cho chị Diễm biết việc cho D thuê chiếc xe ô tô nói trên nên chị Diễm đưa chìa khóa xe ô tô BKS 82A-028.71 cho D (*Giấy đăng ký xe ô tô anh Tr đã để ở trên xe*), hai bên không lập hợp đồng thuê xe. Sau đó, D điều khiển xe ô tô về nhà mình tại thôn 5, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy, gọi điện thoại cho anh Hoàng Anh Tr để nhờ anh Tr điều khiển xe ô tô D thuê của anh Tr để chở D đi công việc và anh Tra đồng ý và chở D đến tỉnh Gia Lai chơi cho đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì anh Tra điều khiển xe ô tô này chở D về nhà. Đến ngày 16/7/2023, D điều khiển xe ô tô đã thuê của gia đình anh Tr đến huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông và để xe ô tô này tại một bãi đỗ xe gần cửa khẩu Đăk Per, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông, D đi sang đất nước Campuchia để đánh bạc. Đến chiều ngày 20/7/2023, D về lại huyện Đăk Mil gửi lại chiếc xe ô tô đã thuê của gia đình anh Tr tại bãi đỗ xe ở huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông và bắt xe khách đi về nhà mình. Đến sáng ngày 21/7/2023, D gọi điện thoại cho anh Vũ Nhật L để thuê anh L chở D đến huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông và khoảng 17 giờ cùng ngày, anh L đã điều khiển xe ô tô của mình chở D sang huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông. Khi đến quán cơm tại trạm Sao Mai thuộc thành phố Kon Tm, tỉnh Kon

Tm thì anh L dừng xe để hai người vào ăn cơm. Tại đây, D gọi điện thoại cho anh Tr nói về việc trả tiền thuê xe ô tô từ ngày 15/7/2023 đến ngày 21/7/2023 và D đề nghị anh Tr tiếp tục cho mình được thuê xe ô tô nói trên đến ngày 30/7/2023 thì anh Tr đồng ý. Sau đó, D nhờ anh L chuyển khoản số tiền 4.500.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng để trả tiền thuê xe cho anh Tr, rồi D trả lại tiền mặt cho anh L. Sau khi hai người ăn cơm xong, anh L tiếp tục điều khiển xe ô tô của mình chở D đến huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông, rồi anh L đi về nhà mình. Đến trưa ngày 22/7/2023, D tiếp tục qua nước Campuchia để đánh bạc. Trong quá trình chơi đánh bạc tại Campuchia, D gặp và làm quen với anh Hoàng Anh T và D đánh bạc tại đây đến ngày 23/7/2023 thì bị thua hết số tiền mang theo, do muốn có tiền để đánh bạc tiếp nên D đã hỏi vay số tiền 80 triệu đồng của anh T và giao cho anh T xe ô tô mà D đã thuê của gia đình anh Tr để cầm cố, đảm bảo cho số tiền vay trên. D nói với anh T đây là xe ô tô của mình nhưng chưa sang tên đổi chủ, rồi D đã viết giấy mượn tiền có chữ ký của mình, hẹn 05 ngày sau sẽ trả lại tiền cho anh T và giao chìa khóa xe ô tô BKS 82A-028.71, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 82A-028.71, cùng với thẻ căn cước công dân của mình cho anh T thì anh T đồng ý cho D vay số tiền trên. Khi D cầm cố chiếc xe ô tô BKS 82A-028.71 cho anh T để vay tiền thì D không thông báo cho gia đình anh Tr biết. Sau khi nhận được số tiền 80 triệu đồng từ anh T, D tiếp tục đánh bạc tại sòng bạc ở Campuchia và thua bạc hết số tiền nói trên. Đến ngày 30/7/2023, D không có tiền trả cho anh T, để lấy lại xe ô tô trả cho gia đình anh Tr nên D không trở về địa phương. Khi hết thời hạn thuê xe mà không thấy D trả lại xe ô tô cho gia đình mình nên anh Tr đã gọi điện thoại cho D nhưng không liên lạc được và anh Tr đã đi tìm D nhưng không thấy. Đến ngày 02/8/2023, anh Tr biết được chiếc xe ô tô BKS 82A-028.71 của gia đình mình đã bị D mang đi cầm cố cho anh T, để vay số tiền 80 triệu đồng. Đến ngày 07/8/2023, anh Tr tố giác sự việc gửi đến Công an huyện Kon Rẫy để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản số 06/KLDGTS ngày 30/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kon Rẫy, kết luận: Tại thời điểm tháng 7 năm 2023, xe ô tô BKS 82A-028.71 nhãn hiệu Ford, loại Everest của gia đình anh Trần Ngọc Tr có giá trị là 161.666.667 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Đỗ Thị Vân Anh vợ của bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng và trả cho anh Hoàng Anh T số tiền 80.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Kon Rẫy đã tạm giữ những đồ vật, tài liệu, vật chứng gồm: 01 (một) xe ô



tô BKS 82A-028.71; nhãn hiệu Ford; số loại Everest; màu sơn: Ghi vàng, đen xám; số máy: WLAT896489; số khung RL05SUHMM8RR07512; xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chìa khóa xe ô tô BKS 82A-028.71; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 82000053 mang tên Trần Ngọc Tr và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn D.

Sau khi điều tra làm rõ vụ án, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Kon Rẫy đã ra quyết định xử lý vật chứng và quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu để trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp các đồ vật, tài liệu, vật chứng đã thu giữ .

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKSHKR ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn D khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy truy tố, bị cáo cũng không có trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D mức án tù 18 tháng đến 24 tháng tù.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 175 BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Không có ai yêu cầu bồi thường thiệt hại gì nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì và lời nói sau cùng của bị cáo là xin lỗi bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Trần Ngọc Tr và chị Nguyễn Thị H D, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:



[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tm, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tòa án triệu tập hợp lệ, người tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Anh T và người làm chứng anh Hoàng Anh T ã đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra đã có lời khai tại hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 15/7/2023, bị cáo Nguyễn Văn D và anh Trần Ngọc Tr đã thoả thuận việc thuê xe, bị cáo D tự lái của vợ anh Trần Ngọc Tr từ ngày 16/7/2023 đến ngày 30/7/2023 với giá thuê xe 700.000 đồng/ngày. Ngày 16/7/2023, bị cáo đưa xe đã thuê biển kiểm soát (BKS) 82A-028.71, nhãn hiệu Ford, loại Everest đến huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông và gửi xe ô tô tại một bãi đỗ xe gần cửa khẩu Đăk Per, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông, để đi sang đất nước Campuchia đánh bạc. Quá trình chơi, bị cáo D quen biết anh Hoàng Anh T, do hết tiền chơi bài, ngày 23/7/2023 bị cáo D viết giấy vay anh T số tiền 80 triệu đồng, để đảm bảo khoản vay, bị cáo đã thế chấp cho anh T gồm 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn D, 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên Trần Ngọc Tr và xe ô tô BKS 82A-028.71, nhãn hiệu Ford, loại Everest đang gửi tại bãi giữ xe huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông. Quá ngày giao trả xe, anh Tr tìm cách liên lạc với D nhưng không được, bị cáo D cũng không có mặt ở địa phương, anh Tr tìm hiểu thì được biết bị cáo D đã thế chấp xe ô tô của anh Tr cho anh Hoàng Anh T tại tỉnh Đăk Lăk.

Đến ngày 08/8/2023, anh Hoàng Anh T đã giao nộp cho Công an huyện Kon Rẫy gồm: 01 xe ô tô BKS 82A-028.71 nhãn hiệu Ford, loại Everest, màu



son: Ghi vàng, đen xám; số máy: WLAT896489; số khung: RL05SUHMM8RR07512; 01 chìa khóa xe ô tô BKS 82A-028.71; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 82000053 mang tên Trần Ngọc Tr, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn D và giấy mượn tiền (BL 34).

Kết luận định giá tài sản số: 06/KLĐGTS ngày 30/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kon Rẫy: Tại thời điểm tháng 7 năm 2023, xe ô tô BKS 82A-028.71 nhãn hiệu Ford, loại Everest trị giá là 161.666.667 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận chữ viết trên giấy mượn tiền là do chính bị cáo viết ra, có nội dung mượn số tiền 80 triệu đồng của anh Hoàng Anh T và để lại xe ô tô BKS 82A-028.71 làm tin và cam kết trả trong 5 ngày.

Về nguồn gốc xe ô tô BKS 82A-028.71 nhãn hiệu Ford, loại Everest mang tên Trần Ngọc Tr, anh Tr nhận chuyển nhượng và đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận quyền sở hữu hợp pháp là của anh Trần Ngọc Tr.

Như vậy có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, nhưng với bản tính ham mê cờ bạc, bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của anh Tr là chủ sở hữu tài sản, bị cáo đưa tài sản của anh Tr cầm cố lấy tiền để chơi đánh bạc tại đất nước Campuchia. Việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới giúp bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn D, không có công việc ổn định, không có nguồn thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 175 của BLHS đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[5.1] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có nhân thân tốt.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.



[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; đồng thời bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS và 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức nhất của khung hình phạt được áp dụng, cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng anh Hoàng Anh T, vắng mặt tại phiên tòa, việc yêu cầu bồi thường được tách ra để giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự bằng một vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

[7]. Về vật chứng vụ án:

Vật chứng vụ án đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Rẫy trả cho chủ sở hữu; việc thu vật chứng và trả vật chứng là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 13/9/2023).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.



Bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tuyên án (28/12/2023). Người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTm;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tm;
- VKSND tỉnh Kon Tm;
- VKDND huyện Kon Rẫy;
- CA huyện Kon Rẫy;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy.
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thuý

